

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

KHOA THÔNG TIN – THƯ VIỆN

PHẠM THỊ SÁU

**TÌM HIỂU CÔNG TÁC TỰ ĐỘNG HÓA TẠI
TRUNG TÂM THÔNG TIN – THƯ VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

NGÀNH THÔNG TIN – THƯ VIỆN

HỆ ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

KHOÁ HỌC: QH – 2005 – X

NGƯỜI HƯỚNG DẪN: THS. TRẦN THỊ THANH VÂN

HÀ NỘI,

Khóa luận tốt nghiệp

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU Error! Bookmark not defined.

1. Tính cấp thiết của đề tài Error! Bookmark not defined.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài Error! Bookmark not defined.

2.1. Mục đích nghiên cứu **Error! Bookmark not defined.**

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu **Error! Bookmark not defined.**

3. Tình hình nghiên cứu đề tài Error! Bookmark not defined.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu Error! Bookmark not defined.

4.1. Đối tượng nghiên cứu **Error! Bookmark not defined.**

4.2. Phạm vi nghiên cứu **Error! Bookmark not defined.**

5. Đóng góp về lý luận và thực tiễn của khóa luận Error! Bookmark not defined.

5.1. Đóng góp về lý luận **Error! Bookmark not defined.**

5.2. Đóng góp về thực tế **Error! Bookmark not defined.**

6. Phương pháp nghiên cứu Error! Bookmark not defined.

7. Cấu trúc khóa luận Error! Bookmark not defined.

CHƯƠNG 1: VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC TỰ ĐỘNG HÓA TẠI TRUNG TÂM THÔNG TIN – THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI Error! Bookmark not defined.

defined.

1.1. Vài nét về Trung tâm Thông tin – Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội Error!

Bookmark not defined.

1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Trung tâm **Error! Bookmark not defined.**

1.1.2. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ của Trung tâm ... **Error! Bookmark not defined.**

1.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm **Error! Bookmark not defined.**

1.1.4. Nguồn lực thông tin của Trung tâm **Error! Bookmark not defined.**

1.1.5. Đặc điểm người dùng tin của Trung tâm **Error! Bookmark not defined.**

1.2. Vai trò của công tác tự động hóa hoạt động thông tin thư viện nói chung và tại Trung

tâm nói riêng

Error! Bookmark not defined.

Phạm Thị Sáu
viện

2

Khoa Thông tin- Thư

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỰ ĐỘNG HÓA TRONG HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN – THƯ VIỆN TẠI TRUNG TÂM THÔNG TIN – THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI Error! Bookmark not defined.

2.1. Sơ lược quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin – thư viện tại Trung tâm **Error! Bookmark not defined.**

Error! Bookmark

2.2. Các trang thiết bị ứng dụng trong tự động hóa của Trung tâm **not defined.**

2.2.1. Ứng dụng hạ tầng phần cứng **Error! Bookmark not defined.**

2.2.2. Áp dụng các thiết bị chuyên dùng cho cơ quan thông tin – thư viện..... **Error!**

Bookmark not defined.

2.2.3. Phần mềm ứng dụng trong hoạt động thông tin – thư viện ... **Error! Bookmark not defined.**

2.2.4. Xây dựng cơ sở dữ liệu **Error! Bookmark not defined.**

2.2.5. Trung tâm áp dụng kho mẫu biên mục đọc máy MARC **Error! Bookmark not defined.**

2.3. Các khâu đã được tự động hóa trong hoạt động của Trung tâm **Error! Bookmark not defined.**

2.3.1. Khâu bổ sung **Error! Bookmark not defined.**

2.3.2. Khâu biên mục **Error! Bookmark not defined.**

2.3.3. Khâu tổ chức quản lý **Error! Bookmark not defined.**

2.3.4. Khâu lưu thông tài liệu **Error! Bookmark not defined.**

2.3.5. Khâu tra cứu tài liệu (OPAC) **Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỰ ĐỘNG HÓA TẠI TRUNG TÂM THÔNG TIN – THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Error! Bookmark not defined.

3.1. Những thuận lợi và khó khăn **Error! Bookmark not defined.**

3.1.1. Những thuận lợi **Error! Bookmark not defined.**

3.1.2. Những khó khăn

Error! Bookmark not defined.

.....

3.2. Đánh giá thực trạng tự động hóa hoạt động thông tin – thư viện tại Trung tâm Thông tin

– Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. **Error! Bookmark not defined.**

3.2.1. Những thành tựu đã đạt được **Error! Bookmark not defined.**

3.2.2. Những hạn chế **Error! Bookmark not defined.**

3.3. Một số kiến nghị để nâng cao hiệu quả công tác tự động hóa tại Trung tâm

.....**Error!**

Bookmark not defined.

Khóa luận tốt nghiệp

-
- 3.3.1. Đẩy mạnh việc khai thác một cách có hiệu quả phần mềm Libol 5.5....**Error! Bookmark not defined.**
- 3.3.2. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị **Error! Bookmark not defined.**
-
- 3.3.3. Tăng cường nguồn lực thông tin **Error! Bookmark not defined.**
-
- 3.3.4. Bồi dưỡng và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ thư viện**Error! Bookmark not defined.**
- 3.3.5. Đào tạo người dùng tin **Error! Bookmark not defined.**
-
- 3.3.6. Tăng cường liên kết chia sẻ nguồn lực thông tin **Error! Bookmark not defined.**
-

KẾT LUẬN

Error! Bookmark not defined.

LỜI NÓI ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, chúng ta đã và đang chứng kiến sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông. Sự phát triển này là tiền đề cho việc hình thành và phát triển của một xã hội thông tin với kinh tế tri thức. Bởi vậy, thông tin đã trở thành một khái niệm cơ bản và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự vận động và phát triển của xã hội. Các nước trên thế giới hiện nay đã ý thức được tầm quan trọng của thông tin và xếp thông tin vào loại nguồn lực đặc biệt, là nhân tố thúc đẩy sự phát triển của mỗi quốc gia. Thủ tướng Singapore Gohchoktong từ kinh nghiệm xây dựng thành công đất nước trở thành một nước công nghiệp mới (NICS) đã kết luận rằng: “Tương lai phát triển thuộc về các nước mà người dân ở đó biết sử dụng có hiệu quả thông tin, tri thức, công nghệ. Ngày nay, để nền kinh tế thành công, chính đây là nhân tố cơ bản chứ không phải là các nguồn lực tự nhiên” [Trích dẫn phát biểu của Thủ tướng Singapore Gohchoktong trong dịp sang thăm Việt Nam – chia sẻ kinh nghiệm phát triển đất nước với Việt Nam, tháng 12/2007]. Song song với sự phát triển này, nhu cầu con người trong xã hội ngày càng đòi hỏi ở mức độ cao, đa dạng và phức tạp hơn, đã đặt ra cho chúng ta những vấn đề cần phải giải quyết: sự bùng nổ thông tin, sự xuất hiện của các tài liệu số, nhu cầu thông tin gia tăng trong xã hội, mức độ đáp ứng các nhu cầu đó như thế nào? Với chức năng là nơi cung cấp

thông tin và tri thức cho xã hội, các cơ quan thông tin – thư viện hiện nay đang phải đối mặt với

Phạm Thị Sáu
viện

2

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

những vấn đề bức thiết là làm sao để đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu của người dùng tin trong khi nhu cầu của xã hội ngày càng gia tăng? Do đó, tự động hóa (TĐH), hiện đại hóa công tác thông tin – thư viện là xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển của các cơ quan thông tin – thư viện ở nước ta hiện nay.

Nắm bắt được xu thế phát triển của xã hội, kết hợp với tình hình thực tiễn trong hoạt động thư viện không còn đủ đáp ứng số lượng người dùng đông đảo cũng như yêu cầu ngày một cao, Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (gọi tắt là Trung tâm) đã tiến hành đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm hiện đại hóa toàn bộ hoạt động thông tin - thư viện đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Việc ứng dụng quá trình TĐH tại Trung tâm không chỉ để giải quyết được những bài toán đã nêu ra mà còn là yếu tố đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của thư viện.

Trong quá trình tìm hiểu về công tác tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tôi có cơ hội được tìm hiểu về hoạt động TĐH của Trung tâm. Đây cũng là một trong những lý do để tôi quyết định lựa chọn đề tài: “***Tìm hiểu công tác tự động hóa tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội***” làm khóa luận của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở đưa ra hệ thống lý thuyết về khái niệm và nội dung của tự động hoá, khảo sát, nghiên cứu thực trạng hoạt động TĐH tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Từ đó, đưa ra những nhận xét và đề xuất mang tính định hướng cho công tác tự động hoá tại cơ quan này, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin – thư viện của Trung tâm.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

***Phạm Thị Sáu
viện***

3

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

Để thực hiện được mục đích trên, đề tài nghiên cứu phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, đưa ra những thông tin giới thiệu về Trung tâm Thông tin – Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Đồng thời đưa ra khái niệm, nội dung và vai trò của công tác TĐH trong hoạt động thông tin – thư viện.

Thứ hai, khảo sát thực trạng công tác TĐH tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Thứ ba, đưa ra một số nhận xét và các giải pháp để triển khai công tác TĐH của Trung tâm một cách có hiệu quả.

3. Tình hình nghiên cứu đề tài

Cho đến nay, đã có nhiều đề tài nghiên cứu tới nhiều khía cạnh khác nhau trong hoạt động thông tin – thư viện tại Trung tâm như: nghiên cứu về công tác phục vụ bạn đọc; chu trình xử lý tài liệu; ứng dụng CNTT vào hoạt động của Trung tâm; khai thác và phát triển nguồn lực thông tin... Tuy nhiên, các đề tài này chủ yếu đề cập đến một số khía cạnh trong hoạt động của Trung tâm, chưa đưa ra những nhận xét đúng mức về thực trạng công tác thông tin – thư viện của Trung tâm nhất là vấn đề TĐH hiện nay. Việc ứng dụng phần mềm Libol 5.5 đã làm thay đổi toàn bộ hoạt động của Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tạo tiền đề cho công tác TĐH phát triển, bởi vậy cần có những đánh giá xác đáng hơn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Quá trình áp dụng TĐH trong hoạt động thông tin – thư viện của Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Không gian: Tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học
Sư phạm Hà Nội.

Thời gian: Từ năm 1994 đến nay.

Phạm Thị Sáu
viện

4

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

5. Đóng góp về lý luận và thực tiễn của khóa luận

5.1. Đóng góp về lý luận

Khóa luận này sẽ giúp cho những người nghiên cứu về Trung tâm và người dùng tin tại Trung tâm hiểu thêm về các hoạt động của Trung tâm, đặc biệt là công tác TĐH.

5.2. Đóng góp về thực tế

Khóa luận sẽ là tài liệu để Trung tâm có thể tham khảo trong việc hoàn thiện công tác TĐH hoạt động thông tin – thư viện của cơ quan mình như là: công tác phục vụ bạn đọc, công tác bổ sung, công tác biên mục, công tác quản lý...

Khóa luận này cũng là tài liệu để các cơ quan thông tin – thư viện khác có thể tham khảo trong quá trình triển khai công tác TĐH vào hoạt động của cơ quan mình, từ đó rút ra những kinh nghiệm mà Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã đạt được và khắc phục những hạn chế giúp cho công tác TĐH đạt hiệu quả cao nhất.

6. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện, đề tài này đã sử dụng một số phương pháp sau:

- Phương pháp phân tích tài liệu.
- Phương pháp khảo sát.
- Phương pháp trao đổi chuyên gia.

7. Cấu trúc khóa luận

Ngoài phần lời nói đầu, kết luận, bảng danh mục những từ viết tắt, nội dung của khóa luận còn bao gồm:

Chương 1: Vai trò của công tác tự động hóa tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Chương 2: Thực trạng áp dụng quá trình tự động hóa tại Trung tâm.

Phạm Thị Sáu
viện

5

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

Chương 3: Nhận xét và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả tự động hóa của Trung tâm.

CHƯƠNG 1

VAI TRỞ CỦA CÔNG TÁC TỰ ĐỘNG HÓA TẠI TRUNG TÂM THÔNG TIN – THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

1.1. Vài nét về Trung tâm Thông tin – Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Trung tâm

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là trường trọng điểm đầu ngành trong hệ thống các trường Sư phạm, đây là trung tâm lớn về đào tạo giáo viên và cán bộ nghiên cứu khoa học, là nơi đã đào tạo nhiều nhân tài, nhiều nhà khoa học danh tiếng cho đất nước góp phần quan trọng trong sự nghiệp giáo dục của cả nước.

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được ra đời vào ngày 11/10/1951 theo quyết định của Bộ Quốc gia giáo dục với hai bộ phận chính là ở Nghệ An và Thanh Hóa. Cùng với sự ra đời đó là sự hình thành Thư viện của trường với vốn tài liệu ban đầu đơn sơ và thiếu thốn.

Tháng 02/1997, theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được sát nhập với Đại học Quốc gia Hà Nội. Khi đó, Trung

tâm Thông tin – Thư viện Trường ĐHSPHN lại sát nhập với Trung tâm Thông tin
– Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội theo quyết định 66/TCCB

***Phạm Thị Sáu
viện***

6

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

ngày 14/02/1997 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, nhờ đó hai Trung tâm có dịp hỗ trợ nhau về công tác tổ chức và nghiệp vụ.

Đến tháng 12/1999, theo quyết định số 201/1999/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tách ra khỏi Đại học Quốc gia Hà Nội, đồng thời hai Trung tâm tách ra hoạt động độc lập.

Gắn liền với hơn 50 năm lịch sử phát triển của nhà trường, từ một thư viện truyền thống còn nghèo nàn về cơ sở vật chất cũng như vốn tài liệu, Trung tâm ngày nay đã được đầu tư một cơ ngơi khang trang, hiện đại gồm khu nhà 4 tầng khép kín với 5000m² sử dụng (khoảng 900 chỗ ngồi), cơ sở vật chất tương đối đầy đủ, với hệ thống bàn ghế, hệ thống quạt, đèn điện và điều hòa phù hợp với mục đích sử dụng. Trung tâm có 04 máy chủ, 130 máy trạm, 04 máy khử từ, 02 máy in thẻ, 16 máy in, 12 đầu đọc mã vạch, 05 máy photo, 06 máy scanner, ngoài ra thư viện có hệ thống công tơ, máy chống trộm và chống cháy tự động.

Hàng năm, Trung tâm đã dành khoảng 50 triệu VNĐ cho việc bổ sung tài liệu. Trung tâm được phép thu nhận lưu trữ những xuất bản phẩm do Đại học Sư phạm Hà Nội xuất bản, các luận án, luận văn sau đại học và những đề tài nghiên cứu khoa học, các tài liệu hội nghị hội thảo,... Ngoài ra, Trung tâm còn được biếu tặng một số lượng lớn các tài liệu từ các cá nhân cán bộ của trường, từ các tổ chức như Quỹ Châu Á, Trung tâm Thông tin khoa học công nghệ Quốc gia, Viện Thông tin khoa học xã hội, Nhà xuất bản Văn học...

1.1.2. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ của Trung tâm

Cơ cấu tổ chức:

Ngay sau khi được thành lập, Trung tâm đã khẩn trương hình thành và kiện toàn bộ máy tổ chức phù hợp với tình hình thực tế và chức năng, nhiệm vụ đã được lãnh đạo trường quy định. Trung tâm đã có cơ cấu tổ chức hành chính chặt

chế và khoa học bao gồm: Ban Giám đốc, bộ phận nghiệp vụ, bộ phận phòng đọc, bộ phận phòng mượn và bộ phận phòng tin học.

***Phạm Thị Sáu
viện***

7

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

- Ban Giám đốc Trung tâm bao gồm Giám đốc và Phó giám đốc. Giám đốc Trung tâm là người đứng đầu Trung tâm chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội về toàn bộ những hoạt động của Trung tâm, là người đại diện cao nhất của Trung tâm trong quan hệ với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước.

- Bộ phận nghiệp vụ gồm có 03 phòng chức năng:

+Phòng làm thẻ: Làm thẻ cho độc giả là các sinh viên, học viên và cán bộ trong trường. Nhận tiền đặt cọc khi mượn tài liệu và thanh toán thẻ hết hạn sử dụng cho độc giả.

+Phòng bổ sung: Thu thập bổ sung các loại tài liệu phù hợp với nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của độc giả Đại học Sư phạm Hà Nội, liên hệ với các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước về công tác bổ sung, trao đổi và nhận lưu trữ. Xử lý sơ bộ, phân loại, định từ khóa cho tài liệu mới bổ sung.

+Phòng biên mục: Nhập máy tài liệu bổ sung, xây dựng CSDL, tổ chức xây dựng và bảo quản hệ thống mục lục tra cứu.

- Bộ phận phòng mượn: Gồm có phòng mượn giáo trình và phòng mượn tài liệu tham khảo.

+ Phòng mượn giáo trình cho độc giả mượn những tài liệu cơ bản phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu cơ bản, mượn dạng tài liệu này không cần đặt tiền.

+ Phòng mượn tài liệu tham khảo phục vụ cho người dùng tin những tài liệu mở rộng và những đề tài nghiên cứu đáp ứng những nhu cầu cao hơn của bạn đọc. Mượn dạng tài liệu này người dùng tin cần phải đặt tiền.

- Bộ phận phòng đọc: Gồm có phòng đọc đóng và phòng đọc mở. Phòng đọc đóng phục vụ sách tham khảo, luận án và tạp chí, phòng đọc mở phục vụ sách tham khảo, sách tra cứu và báo – tạp chí.

- Phòng tin học : Quản trị hệ thống CSDL, phụ trách các dịch vụ Internet và truy cập từ xa vào mạng Lan của Trung tâm, tổ chức việc sử dụng

***Phạm Thị Sáu
viện***

8

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

các phần mềm ứng dụng, tổ chức quản lý bảo dưỡng duy trì hoạt động của toàn bộ hệ thống.

Ban Giám Sát

Bp. NghiÖp	Bp. Tin hãc	Bp. P.Şác	Bp. P.
vô			M-în
P.CËp thĩ	P. C,n bé	P. Şác	P. M-în
(P.102)	(P. 404)	s,ch	GT
P. Bi^an	P. Sinh	P. Şác	P. M-în
môc	vi^an	B,o, TC	TK
P. XLNV	P. Şa PT	P. Şác LA,	P. Şác
(P.103)	(p. 403)	LV	më

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường ĐHSPHN.

❖ Đội ngũ

cán bộ:

Thư viện có tổng số 42 cán bộ công nhân viên, trong đó có 34 cán bộ chuyên môn, 08 cán bộ vệ sinh và bảo vệ. Trong số cán bộ chuyên môn có 04 thạc sỹ ngành Thông tin – thư viện, 29 cử nhân, 01 trung cấp.

Các cán bộ ở đây đều nắm được trình độ chuyên môn nghiệp vụ và công tác phục vụ ở các phòng. Đặc biệt, cán bộ được phân bổ theo từng phòng chức năng, dựa trên nguyên tắc xử lý tập trung và phục vụ phân tán, tạo điều

kiện dễ dàng cho người sử dụng tiếp cận nguồn tin trong thư viện. Và thường xuyên có sự luân chuyển hỗ trợ giữa các phòng. Hàng năm, thư viện có cử các cán bộ đi đào tạo như đi học cao học, chuyên tu, tại chức, học nâng cao

Phạm Thị Sáu

9

Khoa Thông tin- Thư

viện

Khóa luận tốt nghiệp

nghịệp vụ. Tất cả các cán bộ tại Trung tâm đều cố gắng làm việc vì sự nghiệp giáo dục của đất nước.

1.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm

Chức năng:

Đại học sư phạm Hà Nội hiện nay là trung tâm đào tạo lớn của đất nước về đào tạo đội ngũ giáo viên. Trường có vai trò vô cùng to lớn trong sự nghiệp phát triển nguồn lực con người của Quốc gia. Trung tâm Thông tin - Thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội chính là “chìa khóa” để mở cánh cửa tri thức. Vì vậy Trung tâm có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường:

- Nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường trong việc đào tạo nguồn nhân lực và phát triển con người toàn diện trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Cung cấp nguồn tri thức cho cán bộ giảng dạy, nghiên cứu sinh và sinh viên của nhà trường.

- Chia sẻ nguồn tài liệu đối với các trường Đại học Sư phạm khác phục vụ tốt nhất nhu cầu học tập và nghiên cứu của người dùng tin.

Nhiệm vụ

Trung tâm có các nhiệm vụ sau:

- Thư viện thu thập, bổ sung, xử lý và cung cấp tài liệu, thông tin về các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và các khoa học khác nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong và ngoài trường.

- Thư viện tham mưu lập kế hoạch dài hạn và ngắn hạn cho cán bộ về công tác thông tin tư liệu phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu và học tập trong từng giai đoạn phát triển của trường.

- Thư viện tổ chức sắp xếp, lưu trữ và bảo quản nguồn tư liệu của trường bao gồm các loại hình ấn phẩm và vật mang tin.

***Phạm Thị Sáu
viện***

10

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

- Thu thập lưu trữ những ấn phẩm do Trường xuất bản, các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ được bảo vệ tại Trường và các cơ quan khác.
- Xây dựng hệ thống tra cứu tìm tin theo phương pháp truyền thống và hiện đại nhằm phục vụ và phổ biến thông tin.
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ quản lý thông tin thư viện của cán bộ thư viện và kỹ năng thao tác sử dụng thư viện của người dùng tin.
- Duy trì và phát triển các mối quan hệ nhằm trao đổi và chia sẻ nguồn lực thông tin với các cơ quan thông tin thư viện của các trường đại học, các tổ chức khoa học trong và ngoài nước như Liên hiệp thư viện Việt Nam, Liên hiệp thư viện quốc tế...

Với vai trò và chức năng như trên, Trung tâm góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Hơn 50 năm qua, cùng với sự phát triển và không ngừng lớn mạnh về mọi mặt về mọi mặt của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trung tâm

Thông tin - Thư viện cũng có nhiều cải tiến trong công tác tổ chức hoạt động của mình, không ngừng hoàn thiện trong xử lý tài liệu và nâng cao chất lượng công tác phục vụ bạn đọc. Bên cạnh đó, Trung tâm thường xuyên quan tâm đến bồi dưỡng trình độ cho đội ngũ cán bộ và đào tạo người dùng tin, đặc biệt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đã được tiến hành một cách khoa học từng bước vững chắc đem lại hiệu quả cao đáp ứng tốt nhu cầu của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường. Tất cả những thành tích mà Trung tâm đã đạt được trong những năm qua, Trung tâm đã nhận được nhiều danh hiệu thi đua cao quý do các Bộ, Ngành và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trao tặng:

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa thông tin

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo

01 danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Giáo dục và đào tạo

Bằng khen của Công đoàn giáo dục Việt Nam

Phạm Thị Sáu
viện

11

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

Bằng khen của Thành đoàn thành phố Hà Nội

Tập thể Lao động xuất sắc cấp Bộ GD & ĐT năm học 2006 – 2007

18 huy chương vì sự nghiệp giáo dục

14 huy chương vì sự nghiệp kháng chiến.

1.1.4. Nguồn lực thông tin của Trung tâm

Nguồn lực thông tin là nhân tố quan trọng để cấu thành nên một thư viện và cũng là một tiêu chí để đánh giá chất lượng của một thư viện hay trung tâm thông tin. Do đó, Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội luôn quan tâm đến công tác bổ sung, phát triển nguồn tin nhằm đáp ứng nhu cầu phong phú, đa dạng của người dùng tin.

Với nguồn kinh phí dùng cho bổ sung tài liệu được cấp hàng năm từ ngân sách Nhà nước, Trung tâm đã bổ sung lượng sách, báo, tạp chí tương đối lớn với nội dung, ngôn ngữ đa dạng phục vụ kịp thời cho hoạt động nghiên cứu, học tập và giảng dạy. Bên cạnh nguồn tài liệu được bổ sung từ ngân sách Nhà nước, Trung tâm còn thường xuyên nhận các tài liệu nộp lưu chiểu từ Nhà xuất bản Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ bảo vệ tại trường, tài liệu hội nghị, hội thảo và tài liệu trao đổi, biếu tặng từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

Hiện nay, Trung tâm có nguồn vốn tài liệu tương đối lớn đã phần nào đáp ứng tốt cho nhu cầu tin của người dùng tin. Đó cũng là điều kiện thuận lợi để có thể thu hút lượng người dùng tin đến Trung tâm ngày càng đông.

*Phạm Thị Sáu
viện*

12

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

STT	Tên tài liệu	Số lượng
1	Sách	419.069 cuốn
2	Tạp chí	25.200 cuốn
3	Báo	17.500 cuốn
4	Tên tài liệu tra cứu	3.500 cuốn
5	Đề tài NCKH, Kỹ yếu hội nghị	1.100 cuốn
6	Biên dịch	1.789 cuốn
7	Hán Nôm	700 cuốn
8	Luận án, luận văn	10.321 cuốn
9	Tài liệu điện tử	157 băng cassette 85 băng video 1164 đĩa CD - ROM

Bảng số liệu vốn tài liệu của Trung tâm tính đến đầu năm 2009

Tổng số vốn tài liệu truyền thống là 454.595 cuốn tương đương với 150.000 đầu ấn phẩm. Trong đó:

- Luận văn, luận án gồm 10.321 cuốn tương đương với 7.754 đầu ấn phẩm.
- Sách tra cứu gồm 3.500 cuốn.
- Báo, tạp chí gồm 21.000 cuốn tương đương với 933 đầu ấn phẩm.
- Sách gồm 419.069 cuốn tương đương với 44.109 đầu ấn phẩm.

Tài liệu dạng sách có:

■

Sách tiếng Anh: 24.728 cuốn (chiếm 5%).

Sách tiếng Nga: 85.000 cuốn (chiếm 20%).

Sách tiếng Việt : 303.119 cuốn (chiếm 72%).

Các ngôn ngữ khác khoảng 3000 cuốn (chiếm 3%).

Bên cạnh dạng tài liệu sách thì vốn tài liệu báo, tạp chí cũng tương đối đa dạng. Riêng **tạp chí** tổng số gồm 25.200 cuốn. Trong đó:

▪ Tạp chí tiếng Việt: 12.300 cuốn (chiếm 48,38%).

Phạm Thị Sáu
viện

13

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

Tạp chí tiếng Nga: 10.100 cuốn (chiếm 40,32%).

Tạp chí tiếng Latinh: 2.800 cuốn (chiếm 11,2%).

Những năm gần đây, nhờ áp dụng tin học hóa cũng như quá trình tự động hóa hoạt động thông tin – thư viện, Trung tâm đã xây dựng được nguồn lực thông tin điện tử dưới dạng các CSDL trên cơ sở ứng dụng phần mềm Libol 5.5 của Công ty tin học Tinh Vân cung cấp. Hiện nay, Trung tâm đã xây dựng được 65.232 biểu ghi. Trong đó:

CSDL sách: 42.532 biểu ghi

CSDL bài trích: 13.098 biểu ghi

CSDL luận án: 7.683 biểu ghi

CSDL tạp chí: 819 biểu ghi

CSDL đề tài NCKH: 1.100 biểu ghi.

Hiện nay, Trung tâm đã xây dựng được một số lượng nhỏ CSDL toàn văn trong đó có một số các CSDL online như: CSDL về Tạp chí Khoa học Giáo dục của Hoa Kỳ, CSDL các Tạp chí vật lý quốc tế online...

Với số lượng tài liệu phong phú và đa dạng như hiện nay, Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường ĐHSPHN đã đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu tin của bạn đọc, làm tăng hiệu quả công tác thông tin – thư viện tại Trung tâm.

1.1.5. Đặc điểm người dùng tin của Trung tâm

Người dùng tin là thành phần không thể thiếu trong bất kỳ hoạt động của một cơ quan thông tin – thư viện nào. Người dùng tin và nhu cầu thông tin của họ là cơ sở để định hướng cho toàn bộ hoạt động thông tin – thư viện của các cơ quan thông tin – thư viện. Nghiên cứu kỹ các đặc điểm của người dùng tin, nắm vững nhu cầu thông tin, đáp ứng kịp thời đầy đủ và chính xác nhu cầu thông tin của người dùng tin là một trong những nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan thông tin – thư viện nói chung và của các trung tâm thông tin – thư viện trường đại học nói riêng.

Người dùng tin của Trung tâm là toàn thể cán bộ công nhân viên, giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học, sinh viên thuộc các hệ đào tạo trong toàn

Khóa luận tốt nghiệp

trường, học sinh khối phổ thông chuyên, ngoài ra còn có người dùng tin cơ quan ngoài hoặc sinh viên trường đại học khác. Hiện nay, Trung tâm đang quản lý gần 10.800 thẻ bạn đọc trong đó có 8.793 thẻ sinh viên (chiếm 81,3%), 1.350 thẻ cao học (chiếm 12,4%), 355 thẻ cán bộ (chiếm 3,3%) và 346 thẻ của học sinh khối phổ thông chuyên (chiếm 3,2%). Người dùng tin của Trung tâm được chia thành 3 nhóm chính sau:

- *Nhóm 1:* nhóm người dùng tin là cán bộ lãnh đạo, quản lý. Đây là những người đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của trường. Họ vừa tham gia giảng dạy vừa làm công tác quản lý, họ là những người đề ra mục tiêu và định hướng chiến lược phát triển của trường. Đội ngũ này nghiên cứu các tài liệu về khoa học kỹ thuật, công nghệ, kinh tế - chính trị - xã hội, giáo dục đặc biệt là các ngành khoa học mũi nhọn. Bởi vậy, Trung tâm luôn chú trọng bổ sung các loại tài liệu có tính mới với nội dung phù hợp với nhu cầu của nhóm người dùng tin này.

- *Nhóm 2:* nhóm người dùng tin là cán bộ nghiên cứu giảng dạy. Đây là những người có trình độ trên đại học, có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách thành thạo; họ tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo của trường. Vì đội ngũ người dùng tin này có trình độ cao nên tài liệu họ cần thường là các tài liệu tra cứu, các tài liệu bằng tiếng nước ngoài vừa mang tính chuyên sâu vừa mang tính mới trong khoa học. Người dùng tin là những giảng viên tham gia giảng dạy nên họ thường xuyên cập nhật những kiến thức mới, công nghệ mới và chuyên sâu liên quan trực tiếp tới lĩnh vực mà họ giảng dạy, nghiên cứu. Tài liệu nhóm người dùng tin này cần là những tài liệu có tính thời sự cập nhật về khoa học, công nghệ. Ngoài ra, họ cũng cần những tài liệu hỗ trợ cho chuyên ngành cần trong giảng dạy.

- *Nhóm 3:* nhóm người dùng tin là sinh viên và học viên cao học. Đây là nhóm người dùng tin chiếm số lượng đông đảo nhất, họ là những độc giả chủ yếu

và thường xuyên của Trung tâm. Họ đến thư viện với nhu cầu là đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, tra cứu tài liệu xung quanh lĩnh vực mà họ được đào

*Phạm Thị Sáu
viện*

15

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

tạo. Đối với những người là học viên cao học thì tài liệu họ cần mang tính chất chuyên ngành sâu, tạp chí chuyên ngành, sách tham khảo nước ngoài, các luận án, luận văn. Với sinh viên thì thư viện là nơi để học tập, đọc tài liệu để phục vụ cho việc học tập trên giảng đường. Bên cạnh đó, nhóm người dùng tin này cũng là nhóm người có nhu cầu giải trí khá cao, cập nhật những thông tin, những kiến thức phổ thông về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...

Với nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, cơ sở vật chất trang thiết bị hiện đại Trung tâm đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà nhà trường giao. Lướt bản đọc đến với Trung tâm ngày càng tăng lên chứng minh rằng sức hút của thư viện là khá lớn, làm thay đổi rất nhiều đến tác phong học tập và tiếp thu tri thức của người dùng tin tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tuy nhiên, những mặt hoạt động còn hạn chế của Trung tâm vẫn đang tồn tại làm Trung tâm chưa phát huy hết những tiềm năng của mình. Vì vậy, việc nghiên cứu chuyển đổi từ một thư viện thủ công sang mô hình thư viện hiện đại thông qua quá trình TĐH là yêu cầu bức thiết đối với Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Trung tâm.

1.2. Vai trò của công tác tự động hóa hoạt động thông tin thư viện nói chung và tại Trung tâm nói riêng

Khái niệm:

Tự động hoá trong hoạt động thông tin - thư viện được định nghĩa đơn giản là việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông và trang thiết bị hiện đại nhằm tăng cường chất lượng và hiệu quả hoạt động thông tin - thư viện [6,16].

Nội dung của tự động hóa hoạt động thông tin – thư viện:

Các hoạt động trong các cơ quan thông tin – thư viện được TĐH bao gồm các nội dung sau:

- Công tác bổ sung phát triển vốn tài liệu
 - Công tác biên mục (bao gồm xử lý tài liệu về hình thức và nội dung)
 - Công tác quản lý kho tài liệu
-

*Phạm Thị Sáu
viện*

16

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

- Công tác quản lý người dùng tin
- Tra cứu, đăng kí mượn tài liệu
- Thống kê, báo cáo

Các yếu tố cấu thành tự động hóa thông tin – thư viện

Hạ tầng phần cứng:

Hệ thống mạng

Hệ thống máy chủ và máy trạm

Thiết bị an toàn thông tin

Thiết bị ngoại vi...

Thiết bị chuyên dụng: công từ, dây từ, băng từ bảo vệ tài liệu, các thiết bị nhiễm từ và khử từ; hệ thống Camera quan sát, Scanner...

Hệ thống phần mềm, bao gồm:

- Hệ điều hành và hệ quản trị cơ sở dữ liệu: Phần mềm nền tảng phục vụ điều hành hoạt động hệ thống và các ứng dụng nghiệp vụ.

- Các phần mềm hệ thống, bảo mật và các phần mềm dịch vụ: Các phần mềm hỗ trợ để đảm bảo việc hoạt động cũng như tính an toàn của toàn bộ hệ thống; bao gồm: các phần mềm sao lưu dữ liệu, phần mềm bảo mật, các dịch vụ mạng, các tiện ích ...

Cơ sở dữ liệu (CSDL): CSDL thư mục, CSDL dữ kiện, CSDL toàn văn

Vai trò của tự động hóa

Quá trình áp dụng tự động hóa trong hoạt động của các cơ quan thông tin – thư viện là một xu hướng tất yếu và cần thiết. Các cơ quan thông tin – thư viện được ví như “chìa khóa” để mở ra tri thức cho nhân loại, kết nối thông, tin thức đến với người dùng tin. Với chức năng quan trọng như vậy, đòi hỏi các cơ quan thông tin – thư viện luôn hoạt động theo hướng mở, nghĩa là phải nhanh nhạy tiếp thu những thành tựu mới, hiện đại và nắm bắt được xu hướng chung của thế giới. Quá trình áp dụng CNTT tại các cơ quan thông tin – thư viện tạo nên những thành công không nhỏ đã minh chứng rằng tự động

***Phạm Thị Sáu
viện***

17

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

hóa hoạt động thông tin – thư viện là một xu hướng đúng đắn và phù hợp với sự phát triển của thời đại. Điều đó chứng minh rằng, vai trò của tự động hóa trong hoạt động của các cơ quan thông tin – thư viện đặc biệt quan trọng.

- TĐH hoạt động thông tin – thư viện là nhằm giảm thiểu cường độ lao động, tăng năng suất lao động. Nhờ quá trình tự động hóa mà những công việc nặng nhọc, đơn điệu mà trước đây thường do cán bộ thư viện làm được thay thế bởi các thiết bị máy móc hiện đại; các công việc mang tính tổng hợp và phân tích cũng được làm sơ bộ bởi máy tính và các phần mềm.

- TĐH giúp tiết kiệm thời gian, kinh phí: kho tàng, bảo quản, xử lý tài liệu, giảm giá thành sản phẩm và dịch vụ cho các cơ quan thông tin – thư viện. Tất cả các công việc mà trước đây thư viện truyền thống phải lưu giữ cẩn thận, rất mất thời gian nhưng giờ đây mọi công việc đều trở nên đơn giản hơn rất nhiều nhờ máy tính và các thiết bị bảo vệ hiện đại.

- Tự động hóa đã tạo cho các cơ quan thông tin – thư viện trong và ngoài nước có cơ hội liên kết chia sẻ nguồn lực thông tin với nhau, đặc biệt là các nguồn thông tin số có thể trao đổi trực tiếp trên mạng.

- Quá trình tự động hóa sẽ tạo ra những sản phẩm và dịch vụ thông tin hiện đại có nội dung mang tính tổng hợp và chất lượng hơn.

- TĐH tạo nên sự gắn kết và phối hợp một cách đồng bộ giữa các khâu trong hoạt động thư viện với nhau bởi việc sử dụng các trang thiết bị máy móc trong quá trình TĐH sự thống nhất giữa các khâu mới tạo nên hiệu quả của công tác thông tin – thư viện.

- Ngoài ra, TĐH còn kích thích nhu cầu tin của người dùng tin, tăng số lượng người dùng tin đến với thư viện.

- Các cơ quan thông tin – thư viện tiến hành TĐH là nhằm mở rộng “biên giới” cho mình. Các cơ quan thông tin – thư viện sẽ không bị hạn chế về mặt địa lý và thời gian. Điều đó giúp tăng cường năng lực phục vụ, đáp ứng ngày càng hiệu quả nhu cầu bạn đọc trong một xã hội mà thông tin không ngừng gia tăng. Nhờ vậy, đã tạo ra một môi trường nghiên cứu học và tập hiện

***Phạm Thị Sáu
viện***

18

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

đại, tăng cường khả năng cung cấp thông tin nhanh chóng và chính xác. Mặt khác, tạo nhiều cơ hội để bạn đọc lựa chọn và tiếp cận đến các sản phẩm và dịch vụ thông tin có trong cơ quan thông tin – thư viện.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỰ ĐỘNG HÓA TRONG HOẠT
ĐỘNG THÔNG TIN – THƯ VIỆN TẠI TRUNG TÂM
THÔNG TIN – THƯ VIỆN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Phạm Thị Sáu
viện

19

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

2.1. Sơ lược quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin – thư viện tại Trung tâm

Sự phát triển mạnh mẽ của CNTT đã tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội đặc biệt là ngành Thông tin – Thư viện. Nắm bắt được xu thế phát triển của xã hội, Trung tâm Thông tin – Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã áp dụng tin học vào hoạt động của cơ quan mình để cung cấp thông tin về tư liệu, khoa học, giáo dục, công nghệ...cho các cán bộ, giảng viên, sinh viên của trường. Việc ứng dụng CNTT vào hoạt động thông tin – thư viện là một nhân tố quan trọng trong quá trình TĐH của Trung tâm. Quá trình ứng dụng CNTT của Trung tâm được chia làm ba giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Từ năm 1994 đến năm 2000

Trong những năm đầu tin học hóa công tác thông tin – thư viện, Trung tâm được cung cấp 02 máy tính, và sử dụng hệ quản trị CSDL văn bản CDS/ISIS để xây dựng vốn tài liệu cho thư viện. Nhưng do kinh phí hạn hẹp, trình độ tin học của cán bộ chưa có nên công tác tin học hóa chưa đạt kết quả khả quan.

Từ năm 1994 đến 1997, Trung tâm đã cử cán bộ đi học nâng cao trình độ tin học cũng như việc sử dụng phần mềm CDS/ISIS nhưng việc ứng dụng vẫn chưa được triển khai mạnh. Đến năm 1997, Trung tâm được sát nhập vào Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, việc ứng dụng tin học mới bắt đầu triển khai. Nhờ đó, Trung tâm đã xây dựng được một số CSDL cho sách, tạp chí, bài trích tạp chí, luận án, thực hiện các biên mục hồi cổ. Tuy nhiên, Trung tâm cũng chưa tận dụng, khai thác tối đa các tính năng và tiện ích của phần mềm CDS/ISIS vào thực tế hoạt động của cơ quan mình. Song có thể đây là bước khởi đầu thực sự quan trọng trong tiến trình hoạt động của Trung tâm.

Giai đoạn 2: Từ năm 2000 đến 2005

Đến năm 1999, Trung tâm được tách ra khỏi Trung tâm Thông tin – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, trở thành Trung tâm hoạt động độc lập.

Phạm Thị Sáu
viện

20

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

Để đáp ứng kịp với nhu cầu của người dùng tin, Trung tâm đã nhanh chóng triển khai công tác tin học hóa hoạt động thông tin – thư viện. Trong thời gian này, Trung tâm vẫn tiếp tục sử dụng phần mềm CDS/ISIS để thực hiện dự án xây dựng CSDL hồi cố của Trung tâm. Với dự án này, Trung tâm đã xây dựng được một số CSDL sau:

CSDL sách: 20.500 biểu ghi

CSDL tạp chí: 819 biểu ghi

CSDL bài trích tạp chí: 10.021 biểu ghi

CSDL luận án: 3.762 biểu ghi.

Trung tâm vẫn tiếp tục cử cán bộ đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tin học và mời các chuyên gia về hướng dẫn sử dụng phần mềm. Có thể nói, giai đoạn này quá trình áp dụng tin học hóa thu được nhiều kết quả nhưng vẫn chưa thực hiện một cách đồng bộ trong các khâu, phần mềm CDS/ISIS còn nhiều hạn chế.

Giai đoạn 3: Từ năm 2005 đến nay

Thế giới đang có sự biến chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế thông tin với sự phát triển nhanh chóng của CNTT kéo theo sự phát triển của các tài liệu điện tử, tài liệu số...Việc ứng dụng phần mềm CDS/ISIS của Trung tâm không còn phù hợp với những đòi hỏi của thực tế, bởi nó chỉ là phần mềm thư liệu chỉ cho phép quản lý và khai thác tài liệu không thể quản trị được các tài liệu điện tử. Do vậy, tháng 01/2005 Trung tâm chuyển sang sử dụng phần mềm Libol 5.5 của Công ty tin học Tinh Vân. Phần mềm này được đánh giá là một trong giải

pháp thư viện điện tử hiện đại và phù hợp tại Việt Nam, nó quản trị được cả những tài liệu truyền thống và tài liệu điện tử. Việc ứng dụng phần mềm Libol 5.5 đã tạo nên nhiều hiệu quả trong hoạt động của Trung tâm và cũng là nền tảng để TĐH các khâu trong hoạt động . Nhờ quá trình ứng dụng CNTT và đặc biệt là từ khi áp dụng phần mềm Libol 5.5, hầu hết các khâu trong hoạt động của Trung tâm đã tự động hóa. Đồng thời, Trung tâm cũng đã xây dựng được hệ thống CSDL cho toàn bộ tài liệu của Trung

*Phạm Thị Sáu
viện*

21

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

tâm và bổ sung nhiều loại tài liệu điện tử vào nguồn tài nguyên của thư viện mình để đáp ứng tốt cho nhu cầu bạn đọc đang ngày một đa dạng và phức tạp.

2.2. Các trang thiết bị ứng dụng trong tự động hóa của Trung tâm

2.2.1. Ứng dụng hạ tầng phần cứng

Hệ thống mạng bao gồm:

Mạng LAN:

Mạng LAN của Trung tâm chính là hệ thống mạng LAN của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Máy chủ chính được đặt trên nhà hiệu bộ của trường, nối đường truyền tới Trung tâm, từ đó qua Switch cáp quang được nối tới các nhà khác như: nhà A4, A5, A10...và ký túc xá của trường. Qua Switch đó có một đường nối tới một Switch tổng của Trung tâm. Từ Switch tổng này dẫn tới 4 máy chủ được đặt ở phòng 404 (phòng máy chủ), từ phòng máy chủ tỏa đi các phòng khác trên tầng 4 và tới từng máy tính của phòng khác trong thư viện tạo thành một hệ thống mạng thống nhất, khoa học, chặt chẽ và linh hoạt. 04 máy chủ đảm bảo cho toàn bộ hệ thống của Trung tâm được vận hành một cách thuận lợi và thông suốt.

Mạng LAN của Trung tâm được kết nối theo mô hình phân đoạn (BUS) thông qua các thiết bị chuyển mạch Switch, nhờ thiết bị này đảm bảo cho các sự hoạt động riêng lẻ cho từng tầng, từng phòng mà vẫn kết nối và tạo sự thống nhất trong toàn bộ hệ thống trong toàn bộ thư viện cũng như toàn bộ hệ thống mạng của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Mạng Internet

Mạng Internet của Trung tâm được hoạt động thông qua hệ thống mạng LAN của Trung tâm và của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Mạng Internet được nối với máy chủ đặt tại phòng hiệu bộ của Trường từ đó chuyển tới Trung tâm thông qua hệ thống mạng LAN. Hiện nay, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đang sử dụng dịch vụ mạng của Công ty VDC cung cấp. Đây là một công ty lớn, phục vụ tương đối tốt và có nhiều dịch vụ hấp dẫn, thường xuyên mở rộng và thay đổi các hoạt động của mình cho phù hợp với sự phát

*Phạm Thị Sáu
viện*

22

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

triển của khoa học công nghệ trong và ngoài nước. Hệ thống các thiết bị kết nối hiện đại, Card giao tiếp có chất lượng cao và các máy trạm có cấu hình cao giúp cho hệ thống mạng Internet của Trung tâm có thể truy cập một cách nhanh chóng và liên tục.

Hệ thống máy chủ, máy trạm:

Hiện nay, Trung tâm có 04 máy chủ đặt tại phòng 404 (tầng 4) và 130 máy trạm đều được nối mạng nhằm phục vụ cho cán bộ làm việc và bạn đọc tra cứu tài liệu. Hệ thống máy tính được bố trí như sau:

- Phòng Internet có: 70 máy
- Phòng đa phương tiện: 12 máy
- Dùng cho bạn đọc tra cứu tại các phòng phục vụ bạn đọc: 20 máy
- Dùng cho cán bộ làm việc: 27 máy

Thiết bị ngoại vi:

Máy in: Trung tâm có 08 máy in HP 4200N, 04 máy in HP 1200PCL, 02 máy in thẻ, 02 máy in mã số, mã vạch. Nhờ có máy in đặt ở các phòng phục vụ và nghiệp vụ việc in ấn các giấy tờ, công văn, báo cáo, in các nhãn biên mục...trở nên nhanh chóng và dễ dàng hơn.



Máy in mã vạch

Máy photocopy: gồm có 01 máy photo siêu tốc, 04 máy photo chất lượng cao đặt ở phòng phục vụ bạn đọc thuận tiện cho bạn đọc sao lưu tài liệu khi có nhu cầu.

Ngoài ra, Trung tâm còn có 02 máy ép Plastic

Thiết bị an toàn thông tin:

**Phạm Thị Sáu
viện**

23

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

Gồm có 10 bộ lưu điện, 01 máy phát điện, 01 hệ thống máy báo trộm Laze, 01 máy chống trộm cảm ứng.

2.2.2. Áp dụng các thiết bị chuyên dùng cho cơ quan thông tin – thư viện

Hiện nay, Trung tâm đang sử dụng các thiết bị chuyên dùng cho hoạt động thông tin – thư viện sau:

- Hệ thống cổng từ: gồm 02 cổng đặt ở tầng 1 và ở phòng đọc tài liệu tham khảo (phòng 302). Trung tâm sử dụng cổng từ để kiểm soát tài liệu của trung tâm, tránh mất tài liệu. Đây là thiết bị điện từ trường nhưng an toàn tuyệt đối với các tài liệu lưu trữ dưới dạng từ chẳng hạn như băng cassette, băng video, đĩa mềm máy tính,... được sử dụng nhiều nhất là cho các tài liệu dạng giấy.

- Hệ thống Camera quan sát: gồm 16 máy camera gắn ở các phòng đọc tự chọn để kiểm soát người dùng tin.

- Thiết bị mã vạch: gồm 04 máy đọc và xử lý, 12 máy đọc mã số mã vạch, giấy in chuyên dụng, 04 máy quét khổ A4 HP3770, 04 máy quét khổ A3Microtek.

- Ngoài ra, Trung tâm còn có 01 máy ảnh kỹ thuật số...

2.2.3. Phần mềm ứng dụng trong hoạt động thông tin – thư viện

Từ năm 1994, Trung tâm sử dụng phần mềm CDS/ISIS miễn phí của UNESCO do Trung tâm thông tin khoa học và công nghệ quốc gia cài đặt. Phần mềm CDS/ISIS có các ưu điểm chính là:

- Quản lý được các dữ liệu có độ dài biến động
- Có khả năng nhận biết được trường lặp
- Có thể nhận biết được trường con

Tuy nhiên, trong thời gian sử dụng phần mềm này đã bộc lộ những hạn chế sau:

- Trong phần mềm CDS/ISIS, hệ quản trị CSDL và phần giao tiếp không tách biệt nhau. CDS/ISIS trở nên quá phức tạp để sử dụng nhưng tính

Phạm Thị Sáu
viện

24

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

năng thì hạn chế nên nếu muốn sử dụng cần sử dụng kết hợp với hệ quản trị CSDL khác như Access, Foxtro.

- Điều quan trọng hơn là phần mềm này sử dụng dạng biên mục máy đọc được CCF (Common Communication Format) do UNESCO phát triển từ rất lâu và nay không còn được cập nhật. Hiện nay, việc sử dụng dạng biên mục máy đọc này đã lỗi thời bởi sự ra đời của dạng biên mục đọc máy MARC

mà đỉnh cao là UNIMARC, MARC 21. Dạng CCF không thể trao đổi dữ liệu với các hệ thống khác hiện nay đang sử dụng dạng MARC.

- Hiện nay, nguồn thông tin đang tăng lên nhanh chóng, nhu cầu tin của người dùng tin ngày càng đa dạng khiến các cán bộ thư viện phải thường xuyên thống kê số lượng sách được đem ra phục vụ bạn đọc, số lượng bạn đọc sử dụng tài liệu của thư viện cũng như những tài liệu được bạn đọc quan tâm nhiều nhất trong năm...nhờ đó Trung tâm có những điều chỉnh về số lượng và chủ đề để bổ sung cho phù hợp. Trong khi đó, phần mềm CDS/ISIS không có chức năng thống kê, đây cũng là hạn chế khiến phần mềm này trở nên lỗi thời không còn phù hợp với tình hình phát triển thực tế của Trung tâm.

Từ tháng 01/2005, Trung tâm chuyển sang sử dụng phần mềm Libol 5.5 do Công ty tin học Tinh Vân cung cấp. Việc ứng dụng phần mềm Libol 5.5 đã giúp cho thư viện không còn là một kho tri thức riêng biệt nữa mà đã trở thành cổng vào kho tàng tri thức của nhân loại. Thông qua phần mềm Libol 5.5 Thư viện có thể trao đổi, liên kết, khai thác nguồn tài nguyên của các cơ quan khác, đặc biệt là nguồn tài nguyên điện tử.

Libol là phần mềm thư viện điện tử được thiết kế theo hai nguyên tắc chủ đạo là chuẩn hóa và dễ dàng tùy biến. Về mặt công nghệ, nó tích hợp các phân hệ nghiệp vụ trong một giao diện thống nhất và cùng khai thác cùng một CSDL

chung, đồng thời có thể liên kết với các phần mềm khác hoặc bổ sung thêm tính năng, giao diện, cấu trúc dữ liệu mới. Về nghiệp vụ, Libol áp dụng các chuẩn quốc tế ISBD, AACR2, ISO 2709... Tuy nhiên, vì được cấu tạo theo nguồn mở nên cho phép các cơ quan thông tin – thư viện lựa chọn những

***Phạm Thị Sáu
viện***

25

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

tính năng và khổ mẫu phù hợp với cơ quan mình. Phần mềm Libol 5.5 được Trung tâm lựa chọn bởi phần mềm này có nhiều tính năng ưu việt và cần thiết sau:

- Tin học hóa tiến trình công việc
- Số hóa tài nguyên
- Cá nhân hóa hoạt động khai thác
- Toàn cầu hóa kết nối liên thư viện
- Đa dạng hóa dịch vụ
- Chuẩn hóa nghiệp vụ

Ngoài ra Libol có đầy đủ các tính năng cần thiết để một thư viện có thể hội nhập với hệ thống thư viện quốc gia và quốc tế:

- Hỗ trợ chuẩn biên mục MARC 21, AACR2, ISBD
- Hỗ trợ các khung phân loại thông dụng như DDC, BBK, UDC, PTB...
- Nhập/xuất dữ liệu theo chuẩn ISO 2709
- Liên kết với các thư viện và tài nguyên thông tin trực tuyến trên Internet qua giao thức Z39.50
- Tích hợp với các thiết bị mã vạch, thẻ từ
- Tích hợp với các thiết bị mượn trả tự động
- Hỗ trợ đa ngữ Unicode với dữ liệu và giao diện làm việc
- Hỗ trợ các bảng mã tiếng Việt như TCVN 5712, VNI, TCVN 6909
- Công cụ xây dựng, quản lý và khai thác kho tài nguyên số
- Xuất bản các cơ sở dữ liệu hoặc thư mục trên đĩa CD

- Tìm kiếm biểu ghi thư mục và tìm kiếm toàn văn với khả năng tùy biến cao
- Bảo mật và phân quyền chặt chẽ
- Thống kê tra cứu đa dạng, chi tiết và trực quan phục vụ mọi nhóm đối tượng
- Tương thích với cả mô hình kho đóng và kho mở
- Vận hành hiệu quả trên những CSDL lớn

***Phạm Thị Sáu
viện***

26

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

- Khai thác và trao đổi thông tin qua web, thư viện điện tử
- Hỗ trợ hệ thống thư viện nhiều kho, điểm lưu thông.

Phần mềm Libol 5.5 bao gồm 10 phân hệ. Mỗi phân hệ có những tính năng cụ thể sau:

Phân hệ bổ sung

Phân hệ này bao gồm các quy trình ấn phẩm chặt chẽ và xuyên suốt kể từ lúc phát sinh nhu cầu bổ sung, đặt mua, kiểm nhận, gán số đăng ký cá biệt, xếp giá, lưu kho và đưa ra khai thác, sử dụng.

Phân hệ biên mục

Đây là công cụ mạnh, thuận tiện và mềm dẻo giúp biên mục mọi loại tài liệu của thư viện theo các tiêu chuẩn biên mục quốc tế (tiêu chuẩn MARC); giúp trao đổi dữ liệu biên mục với các thư viện thông qua mạng Internet và giúp xuất bản các ấn phẩm thư mục phong phú và đa dạng.

Phân hệ tra cứu trực tuyến OPAC

Là cổng thông tin chung cho mọi đối tượng để khai thác tài nguyên và dịch vụ thư viện theo cách riêng phù hợp với nhu cầu của người dùng tin. Phân hệ này là cầu nối để khai thác và trao đổi thông tin giữa người dùng tin với nhau, giữa người dùng tin với thư viện và giữa người dùng tin với các thư viện khác.

Phân hệ ấn phẩm định kỳ

Tự động hóa và tối ưu hóa các nghiệp vụ quản lý đặc thù cho mọi loại ấn phẩm định kỳ (báo, tạp chí...) như bổ sung, theo dõi, đăng ký, đóng tập và khiêu nại.

Phân hệ bạn đọc

Quản lý thông tin cá nhân và phân loại bạn đọc giúp thư viện áp dụng được những chính sách phù hợp với mỗi nhóm bạn đọc và tiến hành các xử lý nghiệp vụ theo lô hoặc theo từng cá nhân. Ngoài ra, trên phân hệ này còn cho phép tạo khuôn dạng thẻ đọc và in thẻ. Hiện nay, Trung tâm đã tiến hành in

Phạm Thị Sáu
viện

27

Khoa Thông tin- Thư

Khóa luận tốt nghiệp

thẻ mã vạch bằng thẻ nhựa thay vì thẻ giấy trước đây sử dụng qua phần mềm trung gian Rainbow.

Phân hệ lưu thông

Tự động hóa các thao tác thủ công lặp đi lặp lại trong quá trình mượn trả và tự động tính toán, áp dụng mọi chính sách lưu thông do thư viện thiết đặt.

Toàn bộ chu trình mượn trả đều được lưu trữ trên máy và hệ thống phiếu mượn. Tất cả những hạn đọc mượn quá hạn đều được máy tính tự động tính toán và in ra phiếu phạt.

Phân hệ mượn liên thư viện (ILL)

Phân hệ này cho phép quản lý những giao dịch trao đổi tư liệu với các thư viện khác theo chuẩn quốc tế dưới các vai trò là thư viện cho mượn và thư viện yêu cầu mượn. Hiện tại phân hệ này hầu như chưa được các thư viện sử

dụng, đây là một hạn chế của các thư viện Việt Nam do chưa có sự liên kết chặt chẽ và thống nhất giữa các thư viện. Trong tương lai việc sử dụng phân hệ này sẽ nâng cao hiệu

*Phạm Thị Sáu
viện*

28

Khoa Thông tin- Thư
